

Số: /QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày 26 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực
Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hòa Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 454/TTr-SNNMT ngày 25/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính (TTHC) chuẩn hóa (18 thủ tục cấp tỉnh, 02 thủ tục cấp huyện, 01 thủ tục cấp xã) lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hòa Bình (có phụ lục chi tiết kèm theo).

Phụ lục và nội dung cụ thể của TTHC tại Quyết định này được công khai trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC (địa chỉ: csdl.dichvucong.gov.vn); Cổng Dịch vụ công của tỉnh (địa chỉ: dichvucong.hoabinh.gov.vn), Cổng Thông tin điện tử tỉnh (địa chỉ: hoabinh.gov.vn), Trang Thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo quy định.

Điều 2. Các TTHC tại Quyết định này được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan liên quan, căn cứ TTHC tại Quyết định này rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Thời gian chậm nhất 05 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đăng tải đầy đủ nội dung cụ thể của từng TTHC được công bố tại Quyết định này trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị và niêm yết, công khai TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo quy định

2. Sở Khoa học và Công nghệ đồng bộ đầy đủ, kịp thời dữ liệu TTHC tại Quyết định này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC lên Cổng Dịch vụ công tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã niêm yết, công khai TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết theo quy định.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật, công khai dữ liệu TTHC tại Quyết định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định; đăng tải công khai Quyết định trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm soát TTHC – VPCP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CVP/UBND tỉnh;
- Trung tâm TH&CB tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, NVK (Ng.20b)

CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hình

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HOÁ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HOÀ BÌNH
(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Hoà Bình)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp dịch vụ công	
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH							Một phần	Toàn trình
I	LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT								
1	1.004493	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Phí: 600.000 đồng/lần	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013 Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	
2	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ	- Tiếp nhận và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ: 02 ngày làm việc; - Thẩm định hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ; - Thành lập đoàn đánh giá: 05 ngày làm việc kể	Phí: 800.000 đồng/lần	- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp dịch vụ công	
			hành chính công tỉnh	<p>từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tại cơ sở: 01 ngày làm việc; - Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế (trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu); - Thời gian khắc phục nếu cơ sở chưa đủ điều kiện: 60 ngày; - Cấp giấy chứng nhận cho cơ sở hoàn thành khắc phục: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo khắc phục hoặc kết quả kiểm tra lại (khi cần thiết). 					
3	1.004346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ: 02 ngày làm việc; - Thẩm định hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ; - Thành lập đoàn đánh giá: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ; 	Phí: 800.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013 - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 - Thông tư số 	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp dịch vụ công	
				<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tại cơ sở: 01 ngày làm việc; - Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế (trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu); - Thời gian khắc phục nếu cơ sở chưa đủ điều kiện: 60 ngày; - Cấp giấy chứng nhận cho cơ sở hoàn thành khắc phục: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo khắc phục hoặc kết quả kiểm tra lại (khi cần thiết). 		21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 Thông tư số 11/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022			
4	1.003984	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	24 giờ	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013 - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 - Thông tư số 11/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp dịch vụ công	
5	1.007931	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	13 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón: 500.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013 Thông tư số 35/2015/TT - BNNPTNT ngày 14/10/2015	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	x	
6	1.007932	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- 13 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân). - 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).	Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón: 200.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật Trồng trọt năm 2018 - Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 Nghị định số 130/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật		
7	1.007933	Xác nhận nội dung	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp	05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc	Không	- Luật Trồng trọt năm 2018 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày	Chi cục Trồng trọt và	x	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp dịch vụ công	
		quảng cáo phân bón	hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	phục nếu có của tổ chức, cá nhân).		14/11/2019	Bảo vệ thực vật		
II	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT								
1	1.008003	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở	Không	- Luật Trồng trọt năm 2018 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019	Sở Nông nghiệp và Môi trường	x	
2	1.012075	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm	Thẩm định hồ sơ và ban hành Quyết định cho phép khai thác, sử dụng giống cây trồng: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ	Không		Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ		x

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp dịch vụ công	
		là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	Phục vụ hành chính công tỉnh			Nghị định số 79/2023/NĐ-CP Ngày 15/11/2023			
3	1.012074	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Ban hành Quyết định giao quyền đăng ký bảo hộ giống cây trồng: 24 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ	Không	Nghị định số 79/2023/NĐ-CP Ngày 15/11/2023	Đại diện chủ sở hữu nhà nước Chủ tịch UBND cấp tỉnh đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được giao quản lý; nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức đối với nhiệm vụ		x

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp dịch vụ công	
							khoa học và công nghệ do mình phê duyệt).		
4	1.012004	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Quyết định Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Không	Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023			x
5	1.012003	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng: 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2022) Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023	Ủy ban nhân dân tỉnh		x

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp dịch vụ công	
6	1.012002	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Quyết định cấp lại thẻ giám định viên: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gây ra: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được cấp Thẻ	Không	Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023	Ủy ban nhân dân tỉnh	x	
7	1.012001	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Quyết định cấp Thẻ giám định viên: 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023	Ủy ban nhân dân tỉnh	x	
8	1.012000	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ	Kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi tổ chức được cấp Giấy chứng nhận có ý kiến: 02 tháng	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2022) Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023	Ủy ban nhân dân tỉnh		x

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp dịch vụ công	
		yêu cầu của tổ chức, cá nhân	hành chính công tỉnh						
9	1.011999	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi người được cấp Thẻ có ý kiến: 02 tháng	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023	Ủy ban nhân dân tỉnh		x
10	1.012848	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Văn bản thông báo xác định số tiền phải nộp gửi người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: 12 ngày, kể từ ngày nhận được Bản kê khai hợp lệ. - Nộp tiền tại cơ quan kho bạc: 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan tài chính	Không	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/09/2024	Sở Nông nghiệp và Môi trường	x	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp dịch vụ công	
		trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên							
11	1.012847	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Ban hành văn bản chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt: 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/09/2024	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x	
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT								
1	1.012849	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện	Ban hành văn bản chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt: 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/09/2024	Ủy ban nhân dân cấp huyện	x	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp dịch vụ công	
2	1.012850	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thông báo xác định số tiền phải nộp gửi người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: 12 ngày, kể từ ngày nhận được Bản kê khai hợp lệ. - Nộp tiền tại cơ quan kho bạc: 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan tài chính 	Không	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/09/2024	Cơ quan Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện	x	
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT								
1	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp xã	Ban hành văn bản chấp thuận cho phép chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Không	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/09/2024	Ủy ban nhân dân cấp xã		x

Phần II. Các Nội dung cụ thể còn lại của từng TTHC thực hiện theo Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC – Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn); Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan./.

